

Rạch Giá, ngày 04 tháng 12 năm 2015

**KẾT QUẢ THI TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ NĂM 2015**

(đã phúc khảo và nhân hệ số 2 môn thực hành chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành)

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                | Trình độ chuyên môn   | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển  | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|-----------------------|------------|-----------|-------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                       |            |           |                         |                       |                 |                          | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 1     | 064         | Giang Thị Tường Vi    | 24/4/1991  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Bình Minh | 85                | 50        | 36                      | 90                                        | 86                  | 212                                         | Không đạt         |
| 2     | 026         | Danh Nữ Huyền         | 27/8/1994  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Bình Minh | 80                | 52        | 53                      | 95                                        | 126                 | 274                                         | Đạt               |
| 3     | 009         | Vũ Thị Kim Dung       | 03/8/1990  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Bình Minh | 80                | 50        | 50                      | 90                                        | 160                 | 300                                         | Đạt               |
| 4     | 002         | Lưu Thị Bình          | 01/01/1990 | Nữ        | Yên Định, Thanh Hóa     | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Bình Minh | 90                | 50        | 38                      | 85                                        | 190                 | 313                                         | Không đạt         |
| 5     | 004         | Nguyễn Thị Diễm Hương | 12/9/1992  | Nữ        | Thới Lai, Cần Thơ       | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Bình Minh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 6     | 007         | Dương Thị Dòn         | 16/10/1992 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Hoa Hồng  | 85                | 50        | 40                      | 90                                        | 150                 | 280                                         | Không đạt         |
| 7     | 004         | Nguyễn Thị Ngọc Chúc  | 13/8/1991  | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Hoa Hồng  | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 8     | 041         | Huỳnh Thị Hai Nghi    | 19/7/1992  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sao Mai   | 95                | 54        | 54                      | 75                                        | 120                 | 249                                         | Đạt               |
| 9     | 014         | Nguyễn Thị Dậm        | 1985       | Nữ        | Vĩnh Thạnh, Cần Thơ     | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sao Mai   | 80                | 68        | 52                      | 100                                       | 110                 | 262                                         | Đạt               |
| 10    | 016         | Võ Thị Thủy Nguyệt    | 22/7/1993  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sao Mai   | 75                | 66        | 61                      | 95                                        | 148                 | 304                                         | Đạt               |
| 11    | 020         | Trương Thị Hiền       | 12/9/1992  | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng  | 80                | 50        | 24                      | 85                                        | 100                 | 209                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                | Trình độ chuyên môn   | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển   | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|--------------------|-------|------------|-----------|-------------------------|-----------------------|-----------------|---------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                    |       |            |           |                         |                       |                 |                           | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 12    | 053         | Thị Ngọc           | Vàng  | 13/6/1992  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang     | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng   | 90                | 50        | 12                      | 95                                        | 128                 | 235                                         | Không đạt         |
| 13    | 047         | Hồ Thị Tuyết       | Nhu   | 19/02/1992 | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng   | 70                | 62        | 21                      | 90                                        | 134                 | 245                                         | Không đạt         |
| 14    | 005         | Trần Thị           | Diễm  | 01/07/1992 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng   | 80                | 50        | 50                      | 80                                        | 120                 | 250                                         | Đạt               |
| 15    | 019         | Lương Thu          | Hiền  | 17/6/1987  | Nữ        | Thái Bình               | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng   | 85                | 52        | 50                      | 90                                        | 130                 | 270                                         | Đạt               |
| 16    | 032         | Vũ Thị Thùy        | Linh  | 13/5/1994  | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng   | 95                | 50        | 42                      | 85                                        | 150                 | 277                                         | Không đạt         |
| 17    | 027         | Lê Mỹ              | Khanh | 08/9/1993  | Nữ        | Cái Khế, Cần Thơ        | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng   | 85                | 52        | 55                      | 85                                        | 140                 | 280                                         | Đạt               |
| 18    | 043         | Trương Thị Kim     | Ngọc  | 26/12/1992 | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mầm non Sen Hồng   | 100               | 62        | 44                      | 100                                       | 168                 | 312                                         | Không đạt         |
| 19    | 056         | Hoàng Thị Diễm     | Trang | 05/9/1988  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 60                | 58        | 29                      | 75                                        | 88                  | 192                                         | Không đạt         |
| 20    | 041         | Trần Phan Thụy Tân | Hòa   | 07/11/1994 | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 85                | 50        | 10                      | 85                                        | 120                 | 215                                         | Không đạt         |
| 21    | 023         | Thị Hồng           | Huệ   | 02/9/1992  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 80                | 50        | 13                      | 65                                        | 140                 | 218                                         | Không đạt         |
| 22    | 039         | Lê Thị Kim         | Ngân  | 07/7/1993  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 85                | 58        | 20                      | 90                                        | 112                 | 222                                         | Không đạt         |
| 23    | 012         | Trần Thị           | Hợp   | 10/6/1993  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 90                | 50        | 26                      | 85                                        | 144                 | 255                                         | Không đạt         |
| 24    | 010         | Nguyễn Thị Tuyết   | Dung  | 08/8/1993  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 90                | 50        | 59                      | 90                                        | 110                 | 259                                         | Đạt               |
| 25    | 018         | Lê Thị             | Nhung | 06/4/1993  | Nữ        | Dầm Dơi, Cà Mau         | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 80                | 58        | 50                      | 85                                        | 142                 | 277                                         | Đạt               |
| 26    | 030         | Lê Yến             | Lan   | 13/10/1987 | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Ánh Dương | 85                | 54        | 53                      | 95                                        | 134                 | 282                                         | Đạt               |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                | Trình độ chuyên môn   | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|----------------------|------------|-----------|-------------------------|-----------------------|-----------------|-------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                      |            |           |                         |                       |                 |                         | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 27    | 057         | Nguyễn Thùy Trang    | 29/3/1993  | Nữ        | Kiên Lương, Kiên Giang  | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 95                | 58        | 45                      | 75                                        | 96                  | 216                                         | Không đạt         |
| 28    | 053         | Trần Thị Huệ Thu     | 07/8/1988  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 95                | 50        | 56                      | 70                                        | 100                 | 226                                         | Không đạt         |
| 29    | 011         | Nguyễn Thị Thủy Dung | 25/5/1994  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 75                | 54        | 52                      | 90                                        | 90                  | 232                                         | Không đạt         |
| 30    | 062         | Nguyễn Thúy Vân      | 24/4/1993  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 90                | 62        | 54                      | 75                                        | 106                 | 235                                         | Không đạt         |
| 31    | 018         | Trương Ngọc Hân      | 10/9/1993  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 90                | 60        | 50                      | 80                                        | 130                 | 260                                         | Đạt               |
| 32    | 060         | Võ Thị Bạch Tuyết    | 31/7/1994  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 80                | 62        | 51                      | 85                                        | 124                 | 260                                         | Không đạt         |
| 33    | 038         | Lý Thị Thùy My       | 11/6/1987  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 90                | 50        | 48                      | 95                                        | 130                 | 273                                         | Không đạt         |
| 34    | 014         | Hồ Thị Ngọc          | 06/9/1995  | Nữ        | Quỳnh Lưu, Nghệ An      | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 90                | 52        | 50                      | 85                                        | 140                 | 275                                         | Đạt               |
| 35    | 061         | Trần Hạnh Uyên       | 02/5/1995  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 90                | 76        | 52                      | 90                                        | 136                 | 278                                         | Đạt               |
| 36    | 055         | Huỳnh Thị Bích Trâm  | 27/10/1987 | Nữ        | Kiên Giang              | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 95                | 64        | 51                      | 90                                        | 146                 | 287                                         | Đạt               |
| 37    | 033         | Nguyễn Thị Thùy Linh | 06/4/1995  | Nữ        | Kỳ Anh, Hà Tĩnh         | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 65                | 52        | 51                      | 80                                        | 178                 | 309                                         | Đạt               |
| 38    | 010         | Trần Thị Ngân        | 29/10/1994 | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | 95                | 58        | 54                      | 100                                       | 190                 | 344                                         | Đạt               |
| 39    | 013         | La Mỹ Duyên          | 02/12/1994 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 40    | 011         | Đoàn Cẩm Lan         | 26/9/1989  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 41    | 034         | Ngô Thị Ánh Linh     | 15/7/1991  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                | Trình độ chuyên môn   | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển     | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|------------------|--------|------------|-----------|-------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                  |        |            |           |                         |                       |                 |                             | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 42    | 015         | Nguyễn Thị Kim   | Ngọt   | 27/02/1994 | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang     | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan     | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 43    | 019         | Nguyễn Kim       | Nhường | 12/4/1995  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | THSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan     | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 44    | 052         | Trần Thị Kim     | Thoa   | 15/3/1993  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Lan     | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 45    | 006         | Phan Hồng        | Diễm   | 09/3/1994  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Mai     | 75                | 52        | 33                      | 85                                        | 160                 | 278                                         | Không đạt         |
| 46    | 037         | Huỳnh Thị        | Mộng   | 15/01/1986 | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hoa Mai     | 90                | 50        | 54                      | 95                                        | 132                 | 281                                         | Đạt               |
| 47    | 003         | Trần Yến         | Chi    | 10/5/1993  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hòa Mi      | 80                | 34        | 42                      | 85                                        | 140                 | 267                                         | Không đạt         |
| 48    | 010         | Phạm Thị Thiên   | Ái     | 21/02/1985 | Nữ        | Bình Lạc, Hà Nam        | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hòa Mi      | 90                | 60        | 50                      | 95                                        | 130                 | 275                                         | Đạt               |
| 49    | 025         | Nguyễn Thị       | Huyền  | 10/9/1992  | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang     | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 95                | 50        | 44                      | 90                                        | 120                 | 254                                         | Không đạt         |
| 50    | 015         | Hoàng Thị Hồng   | Gấm    | 25/5/1993  | Nữ        | Quảng Trạch, Quảng Bình | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 85                | 54        | 55                      | 100                                       | 100                 | 255                                         | Đạt               |
| 51    | 051         | Bùi Nguyên       | Thảo   | 29/02/1988 | Nữ        | Châu Thành A, Hậu Giang | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 95                | 62        | 51                      | 90                                        | 114                 | 255                                         | Đạt               |
| 52    | 018         | Phạm Thúy        | Kiều   | 12/8/1986  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 100               | 38        | 53                      | 85                                        | 120                 | 258                                         | Không đạt         |
| 53    | 012         | Vương Thị Mỹ     | Dung   | 03/3/1989  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 90                | 72        | 55                      | 90                                        | 120                 | 265                                         | Đạt               |
| 54    | 016         | Nguyễn Thị Hương | Giang  | 21/11/1993 | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | ĐHSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 95                | 60        | 64                      | 95                                        | 120                 | 279                                         | Đạt               |
| 55    | 042         | Nguyễn Thị Bé    | Ngoan  | 22/5/1993  | Nữ        | Cần Thơ                 | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 90                | 58        | 50                      | 85                                        | 146                 | 281                                         | Đạt               |
| 56    | 036         | Nguyễn Thị Thúy  | Loan   | 25/11/1994 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang | CDSP giáo dục mầm non | giáo viên       | Trường mẫu giáo Hường Dương | 90                | 50        | 36                      | 95                                        | 152                 | 283                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                     | Trình độ chuyên môn             | Vị trí việc làm    | Đơn vị đăng ký dự tuyển       | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|-----------------|-------|------------|-----------|------------------------------|---------------------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                 |       |            |           |                              |                                 |                    |                               | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 57    | 015         | Trần Thị Mộng   | Linh  | 06/8/1990  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang         | CDSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Hướng Dương   | 95                | 66        | 54                      | 85                                        | 160                 | 299                                         | Đạt               |
| 58    | 029         | Lê Thị Hương    | Lan   | 29/9/1992  | Nữ        | Hà Nam Ninh                  | CDSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Hướng Dương   | 100               | 50        | 52                      | 100                                       | 196                 | 348                                         | Đạt               |
| 59    | 054         | Đào Thị Thanh   | Thúy  | 15/5/1989  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang         | CDSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Măng Non      | 80                | 60        | 50                      | 90                                        | 102                 | 242                                         | Đạt               |
| 60    | 017         | Phan Thị Hương  | Giang | 27/3/1988  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang         | ĐHSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Măng Non      | 90                | 62        | 55                      | 85                                        | 120                 | 260                                         | Đạt               |
| 61    | 058         | Nguyễn Huyền    | Trang | 17/9/1994  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang         | CDSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Măng Non      | 75                | 60        | 50                      | 95                                        | 130                 | 275                                         | Đạt               |
| 62    | 001         | Võ Kim          | Bằng  | 27/9/1989  | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang       | ĐHSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Măng Non      | 75                | 50        | 43                      | 100                                       | 150                 | 293                                         | Không đạt         |
| 63    | 008         | Nguyễn Thị Mộng | Dừa   | 22/6/1990  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang       | CDSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Măng Non      | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 64    | 059         | Lê Thanh        | Trúc  | 07/11/1994 | Nữ        | Châu Đốc, An Giang           | CDSP giáo dục mầm non           | giáo viên          | Trường mẫu giáo Măng Non      | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 65    | 181         | Phạm Thanh      | Tuyền | 17/6/1994  | Nữ        | Bình An, Hà Tiên, Kiên Giang | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường Tiểu học Âu Cơ         | 70                | 54        | 3                       | 50                                        | 100                 | 153                                         | Không đạt         |
| 66    | 189         | Nguyễn Thị Hồng | Yến   | 16/11/1993 | Nữ        | Thái Bình                    | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Âu Cơ         | 75                | 50        | 42                      | 65                                        | 156                 | 263                                         | Không đạt         |
| 67    | 111         | Văn Kim         | Hiền  | 27/7/1993  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang          | ĐHSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Âu Cơ         | 60                | 60        | 60                      | 95                                        | 130                 | 285                                         | Không đạt         |
| 68    | 156         | Phạm Hồng Phong | Sương | 06/02/1990 | Nam       | Tân Hiệp, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Âu Cơ         | 80                | 72        | 58                      | 95                                        | 184                 | 337                                         | Đạt               |
| 69    | 108         | Thị             | Kiều  | 16/9/1994  | Nữ        | Rạch giá, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Châu Văn Liêm | 95                | 70        | 45                      | 75                                        | 120                 | 240                                         | Không đạt         |
| 70    | 172         | Phạm Mỹ         | Tiên  | 21/02/1992 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang      | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Châu Văn Liêm | 100               | 64        | 66                      | 95                                        | 124                 | 285                                         | Đạt               |
| 71    | 193         | Lê Thị Mỹ       | Hạnh  | 03/6/1987  | Nữ        | Vũ Thư, Thái Bình            | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường tiểu học Hồng Bằng     | 55                | 50        | 25                      | 50                                        | 80                  | 155                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên     |       | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                    | Trình độ chuyên môn       | Vị trí việc làm    | Đơn vị đăng ký dự tuyển   | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|---------------|-------|------------|-----------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|---------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |               |       |            |           |                             |                           |                    |                           | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 79    | 120         | Lê Thị Xuân   | Mai   | 02/11/1993 | Nữ        | Mỹ Luông, Chợ Mới, An Giang | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 70                | 52        | 16                      | 55                                        | 116                 | 187                                         | Không đạt         |
| 72    | 195         | Nguyễn Ngọc   | Huyền | 31/3/1993  | Nữ        | Yên Khánh, Ninh Bình        | Đại học Khoa học Thư viện | Nhân viên thư viện | Trường tiểu học Hồng Bàng | 75                | 54        | 38                      | 70                                        | 103                 | 211                                         | Không đạt         |
| 73    | 086         | Thị Kim       | Đồng  | 21/12/1992 | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 75                | 62        | 32                      | 85                                        | 100                 | 217                                         | Không đạt         |
| 74    | 030         | Huỳnh Thị Mỹ  | Duyên | 01/01/1991 | Nữ        | Kiên Lương, Kiên Giang      | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 95                | 30        | 57                      | 75                                        | 100                 | 232                                         | Không đạt         |
| 75    | 149         | Huỳnh Minh    | Phụng | 24/3/1993  | Nam       | Gò Quao, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 70                | 64        | 60                      | 70                                        | 110                 | 240                                         | Không đạt         |
| 76    | 098         | Đặng Thị      | Hồng  | 25/10/1993 | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 80                | 64        | 30                      | 95                                        | 120                 | 245                                         | Không đạt         |
| 77    | 076         | Vô Trần Thùy  | Diễm  | 06/6/1986  | Nữ        | Thốt Nốt, Cần Thơ           | ĐHSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 65                | 52        | 55                      | 85                                        | 144                 | 284                                         | Không đạt         |
| 78    | 070         | Nguyễn Thị    | Bình  | 19/12/1994 | Nữ        | Thái Thụy, Thái Bình        | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 95                | 56        | 66                      | 85                                        | 160                 | 311                                         | Không đạt         |
| 80    | 091         | Nguyễn Thị Bé | Hận   | 05/8/1993  | Nữ        | Đại Từ, Thái Nguyên         | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 95                | 50        | 63                      | 90                                        | 160                 | 313                                         | Không đạt         |
| 81    | 134         | Trần Thị Mỹ   | Nhân  | 21/02/1991 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang      | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 100               | 64        | 50                      | 100                                       | 182                 | 332                                         | Đạt               |
| 82    | 068         | Bùi Thị Hải   | Anh   | 14/4/1993  | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang      | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Hồng Bàng | 100               | 66        | 60                      | 100                                       | 184                 | 344                                         | Đạt               |
| 83    | 166         | Lê Minh       | Thư   | 09/04/1993 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang      | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Lê Lợi    | 70                | 52        | 35                      | 85                                        | 120                 | 240                                         | Không đạt         |
| 84    | 145         | Nguyễn Văn    | Nuôi  | 12/8/1989  | Nam       | Kỳ Anh, Hà Tĩnh             | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Lê Lợi    | 95                | 50        | 42                      | 95                                        | 110                 | 247                                         | Không đạt         |
| 85    | 136         | Lê Yến        | Nhi   | 28/7/1991  | Nữ        | Hà Tiên, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Lê Lợi    | 100               | 50        | 34                      | 85                                        | 138                 | 257                                         | Không đạt         |
| 86    | 183         | Vũ Ngọc       | Tuyết | 03/8/1990  | Nữ        | Tiên Hải, Thái Bình         | ĐHSP giáo dục tiểu học    | giáo viên          | Trường tiểu học Lê Lợi    | 90                | 56        | 40                      | 75                                        | 152                 | 267                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số đăng canh | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                       | Trình độ chuyên môn    | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển         | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|--------------|----------------------|------------|-----------|--------------------------------|------------------------|-----------------|---------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |              |                      |            |           |                                |                        |                 |                                 | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 87    | 121          | Nguyễn Thị Mai       | 15/02/1993 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Lợi          | 100               | 70        | 61                      | 85                                        | 136                 | 282                                         | Đạt               |
| 88    | 102          | Lâm Thị Huyền        | 01/5/1992  | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm | 80                | 52        | 29                      | 60                                        | 100                 | 189                                         | Không đạt         |
| 89    | 138          | Trương Ngọc Xuyến    | 12/8/1993  | Nữ        | Hưng Yên, An Biên, Kiên Giang  | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm | 85                | 50        | 50                      | 75                                        | 150                 | 275                                         | Không đạt         |
| 90    | 123          | Lê Thị Ly Mol        | 09/9/1993  | Nữ        | An Biên, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm | 90                | 68        | 58                      | 90                                        | 136                 | 284                                         | Đạt               |
| 91    | 067          | Huỳnh Phước Ân       | 12/10/1989 | Nam       | Gò Quao, Kiên Giang            | ĐHSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 92    | 078          | Thị Diễm             | 10/11/1993 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 93    | 111          | Nguyễn Thị Như       | 14/02/1994 | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang           | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm | Vắng              | Vắng      | 8                       | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 94    | 096          | Trần Thị Ngọc Hoa    | 28/02/1994 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Văn Tám      | 95                | 68        | 27                      | 90                                        | 100                 | 217                                         | Không đạt         |
| 95    | 111          | Nguyễn Thị Mỹ Lành   | 06/01/1993 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang         | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Văn Tám      | 95                | 58        | 59                      | 100                                       | 110                 | 269                                         | Đạt               |
| 96    | 090          | Nguyễn Thị Yên       | 24/12/1992 | Nữ        | Long Mỹ - Hậu Giang            | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lê Văn Tám      | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 97    | 084          | Nguyễn Thị Bé Đây    | 29/11/1992 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang        | ĐHSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh  | 80                | 72        | 37                      | 50                                        | 100                 | 187                                         | Không đạt         |
| 98    | 075          | Nguyễn Thị Thu Cúc   | 27/7/1992  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh  | 85                | 50        | 24                      | 70                                        | 100                 | 194                                         | Không đạt         |
| 99    | 115          | Đặng Thị Liền        | 25/01/1991 | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang         | ĐHSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh  | 80                | 70        | 45                      | 60                                        | 116                 | 221                                         | Không đạt         |
| 100   | 129          | Đào Minh Trong       | 15/10/1994 | Nam       | An Minh, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh  | 90                | 50        | 50                      | 80                                        | 110                 | 240                                         | Không đạt         |
| 101   | 130          | Trần Thị Hoài Phương | 14/6/1994  | Nữ        | Thái Tân, Thái Thủy, Thái Bình | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh  | 90                | 64        | 70                      | 85                                        | 100                 | 255                                         | Đạt               |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                  | Trình độ chuyên môn    | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển        | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|------------------|--------|------------|-----------|---------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                  |        |            |           |                           |                        |                 |                                | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 102   | 102         | Đoàn Hoàng       | Thích  | 04/8/1991  | Nam       | An Biên, Kiên Giang       | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh | 80                | 52        | 50                      | 100                                       | 122                 | 272                                         | Đạt               |
| 103   | 105         | Huỳnh Mộng       | Nghi   | 08/02/1994 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang   | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh | 100               | 68        | 31                      | 95                                        | 148                 | 274                                         | Không đạt         |
| 104   | 109         | Nguyễn Thị Hồng  | Kiều   | 02/10/1991 | Nữ        | U Minh Thượng, Kiên Giang | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Lương Thế Vinh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 105   | 107         | Đỗ Chúc          | Khuông | 15/4/1993  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang    | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 75                | 56        | 26                      | 60                                        | 100                 | 186                                         | Không đạt         |
| 106   | 119         | Nguyễn Ngọc      | Lý     | 13/3/1992  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang      | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 80                | 58        | 26                      | 60                                        | 100                 | 186                                         | Không đạt         |
| 107   | 095         | Đặng Thị         | Hậu    | 26/12/1990 | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang       | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 75                | 56        | 22                      | 70                                        | 116                 | 208                                         | Không đạt         |
| 108   | 117         | Lý Bích          | Loan   | 06/6/1994  | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang   | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 75                | 54        | 38                      | 70                                        | 104                 | 212                                         | Không đạt         |
| 109   | 144         | Danh             | Ni     | 19/4/1992  | Nam       | U Minh Thượng, Kiên Giang | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 90                | 50        | 29                      | 90                                        | 100                 | 219                                         | Không đạt         |
| 110   | 118         | Nguyễn Văn       | Lộc    | 01/01/1991 | Nam       | Thừa Thiên-Huế            | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 65                | 52        | 37                      | 75                                        | 120                 | 232                                         | Không đạt         |
| 111   | 101         | Thị              | Hương  | 27/8/1992  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang    | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 95                | 52        | 32                      | 95                                        | 106                 | 233                                         | Không đạt         |
| 112   | 137         | Nguyễn Thị Tuyết | Nhi    | 11/01/1993 | Nữ        | An Minh, Kiên Giang       | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 95                | 64        | 56                      | 75                                        | 110                 | 241                                         | Không đạt         |
| 113   | 082         | Danh             | Đạt    | 21/02/1991 | Nam       | Châu Thành, Kiên Giang    | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 90                | 52        | 42                      | 90                                        | 110                 | 242                                         | Không đạt         |
| 114   | 105         | Lương Diễm       | Khiếu  | 20/01/1991 | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang       | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 95                | 56        | 47                      | 80                                        | 116                 | 243                                         | Không đạt         |
| 115   | 151         | Trần Hồ Quốc     | Phương | 05/12/1993 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang    | CDSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 80                | 70        | 66                      | 85                                        | 110                 | 261                                         | Không đạt         |
| 116   | 158         | Trần Thị Bé      | Thảo   | 17/9/1993  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang      | DHSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 85                | 50        | 80                      | 85                                        | 116                 | 281                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                          | Trình độ chuyên môn             | Vị trí việc làm    | Đơn vị đăng ký dự tuyển        | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|-----------------------|------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------|--------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                       |            |           |                                   |                                 |                    |                                | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 117   | 124         | Vũ Thị Ngân           | 18/3/1990  | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang               | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 95                | 66        | 58                      | 90                                        | 136                 | 284                                         | Không đạt         |
| 118   | 112         | Nguyễn Hồng Lê        | 19/11/1994 | Nam       | Giồng Riềng, Kiên Giang           | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 100               | 60        | 59                      | 100                                       | 134                 | 293                                         | Đạt               |
| 119   | 092         | Nguyễn Thị Hằng       | 19/5/1991  | Nữ        | Thái Nguyên, Thái Thủy, Thái Bình | ĐHSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 95                | 56        | 67                      | 90                                        | 136                 | 293                                         | Không đạt         |
| 120   | 099         | Trần Thị Huệ          | 09/5/1989  | Nữ        | Lý Nhân, Hà Nam                   | ĐHSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 80                | 58        | 68                      | 90                                        | 158                 | 316                                         | Đạt               |
| 121   | 127         | Nguyễn Thị Nghĩa      | 29/02/1994 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang           | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 100               | 76        | 74                      | 95                                        | 148                 | 317                                         | Đạt               |
| 122   | 069         | Dương Kim Anh         | 27/6/1993  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 123   | 079         | Đinh Hải Dương        | 14/9/1992  | Nam       | Ninh Thanh, Hải Dương             | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 90                | 50        | 8                       | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 124   | 090         | Danh Thị Ngọc Hân     | 19/5/1992  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang               | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 65                | 30        | 19                      | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 125   | 104         | Dương Thị Minh Khanh  | 05/8/1992  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 126   | 132         | Trần Thúy Nguyên      | 01/9/1991  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 127   | 139         | Trần Thị Nhí          | 18/5/1992  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang            | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 128   | 140         | Nguyễn Thị Thùy Nhiên | 28/02/1992 | Nữ        | Thoại Sơn, An Giang               | ĐHSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 129   | 002         | Nguyễn Thị Bao Yến    | 07/9/1993  | Nữ        | An Biên, Kiên Giang               | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 75                | 50        | 52                      | 90                                        | 60                  | 202                                         | Không đạt         |
| 130   | 097         | Châu Bích Ngọc        | 01/10/1988 | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang              | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường tiểu học Mạc Đĩnh Chi   | 65                | 56        | 50                      | 70                                        | 127                 | 247                                         | Đạt               |
| 131   | 093         | Trần Thị Thúy Hằng    | 05/3/1992  | Nữ        | An Biên, Kiên Giang               | CDSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc | 65                | 50        | 33                      | 80                                        | 104                 | 217                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                | Trình độ chuyên môn    | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển          | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|------------------|--------|------------|-----------|-------------------------|------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                  |        |            |           |                         |                        |                 |                                  | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 132   | 169         | Đoan Bích        | Thùy   | 21/8/1993  | Nữ        | Thốt Nốt, Cần Thơ       | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc   | 80                | 56        | 32                      | 85                                        | 120                 | 237                                         | Không đạt         |
| 133   | 129         | Trần Thị Bích    | Ngọc   | 01/6/1994  | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc   | 85                | 64        | 24                      | 95                                        | 150                 | 269                                         | Không đạt         |
| 134   | 103         | Vũ Thị Thu       | Huyền  | 01/02/1993 | Nữ        | Thái Bình               | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc   | 100               | 60        | 58                      | 100                                       | 184                 | 342                                         | Đạt               |
| 135   | 186         | Quách Thúy       | Vy     | 03/9/1992  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 70                | 64        | 24                      | 55                                        | 100                 | 179                                         | Không đạt         |
| 136   | 152         | Nguyễn Khắc      | Phương | 21/9/1994  | Nam       | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 70                | 50        | 23                      | 65                                        | 100                 | 188                                         | Không đạt         |
| 137   | 191         | Thị Ngọc         | Yến    | 10/8/1994  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 85                | 50        | 42                      | 65                                        | 100                 | 207                                         | Không đạt         |
| 138   | 160         | Phạm Thị         | Thảo   | 10/12/1994 | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 85                | 50        | 30                      | 80                                        | 114                 | 224                                         | Không đạt         |
| 139   | 113         | Trương Trọng     | Lễ     | 13/02/1993 | Nam       | An Minh, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 80                | 54        | 31                      | 80                                        | 118                 | 229                                         | Không đạt         |
| 140   | 077         | Phan Thị Hồng    | Diễm   | 30/4/1989  | Nữ        | An Biên, Kiên Giang     | ĐHSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 65                | 60        | 50                      | 70                                        | 112                 | 232                                         | Không đạt         |
| 141   | 072         | Danh             | Chiến  | 01/8/1992  | Nam       | Giồng Riềng, Kiên Giang | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 90                | 50        | 50                      | 85                                        | 100                 | 235                                         | Không đạt         |
| 142   | 071         | Nguyễn Thị       | Cây    | 19/6/1994  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 85                | 64        | 54                      | 70                                        | 112                 | 236                                         | Không đạt         |
| 143   | 167         | Trần Thị Bích    | Thư    | 17/3/1992  | Nữ        | Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 90                | 60        | 50                      | 70                                        | 120                 | 240                                         | Không đạt         |
| 144   | 161         | Phạm Hữu         | Thế    | 18/11/1992 | Nam       | Giồng Riềng, Kiên Giang | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 100               | 30        | 52                      | 90                                        | 100                 | 242                                         | Không đạt         |
| 145   | 182         | Từ Thị Bích      | Tuyền  | 24/4/1994  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 70                | 50        | 50                      | 50                                        | 144                 | 244                                         | Không đạt         |
| 146   | 187         | Nguyễn Thị Hương | Xuân   | 13/5/1991  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 80                | 50        | 24                      | 80                                        | 142                 | 246                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên             |  | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                | Trình độ chuyên môn    | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển          | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|-----------------------|--|------------|-----------|-------------------------|------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                       |  |            |           |                         |                        |                 |                                  | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 147   | 106         | Lâm Đăng Khoa         |  | 12/6/1991  | Nam       | Giồng Riềng, Kiên Giang | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 75                | 42        | 42                      | 100                                       | 110                 | 252                                         | Không đạt         |
| 148   | 142         | Vũ Thị Hồng Nhung     |  | 05/8/1991  | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 100               | 54        | 45                      | 90                                        | 120                 | 255                                         | Không đạt         |
| 149   | 113         | Huỳnh Công Hinh       |  | 12/11/1991 | Nam       | Giồng Riềng, Kiên Giang | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 90                | 52        | 51                      | 80                                        | 130                 | 261                                         | Không đạt         |
| 150   | 116         | Nguyễn Thị Dương Liễu |  | 08/8/1993  | Nữ        | Nam Định                | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 80                | 60        | 56                      | 85                                        | 126                 | 267                                         | Không đạt         |
| 151   | 088         | Huỳnh Gin             |  | 04/01/1992 | Nam       | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 70                | 70        | 65                      | 75                                        | 130                 | 270                                         | Không đạt         |
| 152   | 175         | Lê Công Toàn          |  | 09/3/1994  | Nam       | An Minh, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 85                | 64        | 65                      | 95                                        | 116                 | 276                                         | Không đạt         |
| 153   | 081         | Nguyễn Thị Mỹ Duyên   |  | 10/8/1993  | Nữ        | An Biên, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 100               | 74        | 59                      | 75                                        | 156                 | 290                                         | Không đạt         |
| 154   | 122         | Đanh Mến              |  | 10/10/1992 | Nam       | Gò Quao, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 100               | 58        | 65                      | 85                                        | 144                 | 294                                         | Đạt               |
| 155   | 146         | Lương Thị Mộng Nghi   |  | 11/5/1992  | Nữ        | Vinh Thuận, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 100               | 68        | 63                      | 85                                        | 146                 | 294                                         | Đạt               |
| 156   | 085         | Nguyễn Thị Đoan       |  | 01/11/1994 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | 85                | 68        | 79                      | 85                                        | 140                 | 304                                         | Đạt               |
| 157   | 066         | Bùi Thị Thúy An       |  | 02/04/1991 | Nữ        | Tiền Hải, Thái Bình     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 158   | 097         | Nguyễn Thị Ngọc Hoa   |  | 06/01/1990 | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 159   | 100         | Thị Kim Hui           |  | 10/10/1991 | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 160   | 159         | Bùi Nguyễn Thanh Thảo |  | 25/02/1993 | Nữ        | Chợ Mới, An Giang       | ĐHSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 161   | 170         | Nguyễn Thị Thanh Thùy |  | 13/9/1993  | Nữ        | Hà Tiên, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                | Trình độ chuyên môn    | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển          | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|----------------|--------|------------|-----------|-------------------------|------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                |        |            |           |                         |                        |                 |                                  | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 162   | 176         | Trần Thị Bảo   | Trang  | 05/6/1994  | Nữ        | An Biên, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 163   | 178         | Thị Kim        | Trinh  | 28/8/1993  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 164   | 184         | Ngô Thị        | Vân    | 06/6/1993  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 165   | 192         | Lê Phi         | Yến    | 21/12/1991 | Nữ        | An Minh, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Chí Thanh | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 166   | 130         | Danh Thị Mỹ    | Ngọc   | 19/8/1992  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình | 100               | 54        | 25                      | 70                                        | 100                 | 195                                         | Không đạt         |
| 167   | 094         | Phạm Thị Bích  | Hạnh   | 06/4/1989  | Nữ        | Hà Nam                  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình | 85                | 58        | 29                      | 95                                        | 100                 | 224                                         | Không đạt         |
| 168   | 138         | Trần Thủy      | Nhi    | 30/11/1994 | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình | 100               | 68        | 60                      | 80                                        | 160                 | 300                                         | Đạt               |
| 169   | 177         | Nguyễn Thị Thu | Trang  | 11/01/1985 | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 90                | 50        | 23                      | 55                                        | 110                 | 188                                         | Không đạt         |
| 170   | 110         | Trần Thị       | Lan    | 09/9/1993  | Nữ        | Thái Thụy, Thái Bình    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 85                | 52        | 27                      | 80                                        | 110                 | 217                                         | Không đạt         |
| 171   | 131         | Lê Thị Bảo     | Ngọc   | 04/01/1990 | Nữ        | Rạch Giá, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 85                | 54        | 32                      | 70                                        | 124                 | 226                                         | Không đạt         |
| 172   | 148         | Thị Quốc       | Phong  | 07/3/1994  | Nam       | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 100               | 62        | 36                      | 80                                        | 120                 | 236                                         | Không đạt         |
| 173   | 073         | Thị Kim        | Chung  | 19/5/1992  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 85                | 72        | 50                      | 85                                        | 110                 | 245                                         | Không đạt         |
| 174   | 074         | Lâm Thành      | Công   | 26/01/1994 | Nam       | Giồng Riềng, Kiên Giang | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 95                | 60        | 58                      | 90                                        | 100                 | 248                                         | Không đạt         |
| 175   | 174         | Phạm Cẩm       | Tổ     | 04/01/1994 | Nữ        | An Biên, Kiên Giang     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 85                | 52        | 55                      | 90                                        | 106                 | 251                                         | Không đạt         |
| 176   | 133         | Phạm Út        | Phương | 10/01/1993 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang  | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão     | 90                | 70        | 58                      | 90                                        | 104                 | 252                                         | Không đạt         |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán                          | Trình độ chuyên môn    | Vị trí việc làm | Đơn vị đăng ký dự tuyển       | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|-----------------------|------------|-----------|-----------------------------------|------------------------|-----------------|-------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                       |            |           |                                   |                        |                 |                               | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 177   | 083         | Trần Hồng Đạt         | 29/10/1992 | Nam       | Hòn Đất, Kiên Giang               | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão  | 90                | 56        | 61                      | 90                                        | 110                 | 261                                         | Không đạt         |
| 178   | 146         | Nguyễn Thị Oanh       | 25/9/1992  | Nữ        | Thái Thụy, Thái Bình              | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão  | 95                | 62        | 58                      | 95                                        | 140                 | 293                                         | Đạt               |
| 179   | 105         | Lê Thị Thơm           | 08/6/1991  | Nữ        | Diễn Phúc, Diễn Châu, Nghệ An     | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão  | 95                | 58        | 60                      | 100                                       | 186                 | 346                                         | Đạt               |
| 180   | 103         | Phị Thỏ               | 07/12/1992 | Nữ        | Giồng Riềng, Kiên Giang           | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Phạm Ngũ Lão  | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 181   | 185         | Ngô Thị Vân           | 30/9/1994  | Nữ        | Nghệ An                           | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 65                | 38        | 21                      | 50                                        | 100                 | 171                                         | Không đạt         |
| 182   | 180         | Diệp Duy Tuyển        | 20/12/1994 | Nam       | Gò Quao, Kiên Giang               | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 70                | 52        | 26                      | 75                                        | 100                 | 201                                         | Không đạt         |
| 183   | 143         | Ngô Thị Thùy Nhung    | 10/7/1992  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang            | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 85                | 54        | 51                      | 75                                        | 110                 | 236                                         | Không đạt         |
| 184   | 128         | Trần Văn Ngoan        | 02/11/1994 | Nam       | Giồng Riềng, Kiên Giang           | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 100               | 68        | 63                      | 95                                        | 100                 | 258                                         | Không đạt         |
| 185   | 108         | Nguyễn Thị Thu        | 10/11/1992 | Nữ        | Quỳnh Trang, Quỳnh Phụ, Thái Bình | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 85                | 56        | 52                      | 85                                        | 124                 | 261                                         | Không đạt         |
| 186   | 087         | Lê Lân Đức            | 29/9/1994  | Nam       | An Biên, Kiên Giang               | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 90                | 52        | 63                      | 85                                        | 120                 | 268                                         | Không đạt         |
| 187   | 104         | Trương Ngọc Thơ       | 07/11/1989 | Nữ        | Hòn Đất, Kiên Giang               | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 85                | 58        | 56                      | 90                                        | 140                 | 286                                         | Không đạt         |
| 188   | 157         | Phạm Minh Tâm         | 29/4/1993  | Nữ        | Gò Quao, Kiên Giang               | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 100               | 70        | 61                      | 95                                        | 136                 | 292                                         | Không đạt         |
| 189   | 133         | Nguyễn Thị Thanh Nhân | 13/10/1993 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang            | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 100               | 54        | 31                      | 80                                        | 182                 | 293                                         | Không đạt         |
| 190   | 135         | Phạm Thái Nhân        | 29/8/1994  | Nam       | Ô Môn, Cần Thơ                    | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 95                | 60        | 67                      | 100                                       | 146                 | 313                                         | Đạt               |
| 191   | 089         | Nguyễn Thị Xuân Hạ    | 17/02/1994 | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang            | CĐSP giáo dục tiểu học | giáo viên       | Trường tiểu học Trần Khánh Dư | 85                | 74        | 67                      | 90                                        | 164                 | 321                                         | Đạt               |

| Số TT | Số báo danh | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Giới tính | Quê quán               | Trình độ chuyên môn             | Vị trí việc làm    | Đơn vị đăng ký dự tuyển        | Môn thi điều kiện |           | Môn thi kiến thức chung | Môn thi chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành |                     | Tổng số điểm (không tính môn thi điều kiện) | Kết quả thi tuyển |
|-------|-------------|-----------------|--------|------------|-----------|------------------------|---------------------------------|--------------------|--------------------------------|-------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------|
|       |             |                 |        |            |           |                        |                                 |                    |                                | Tin học           | Tiếng Anh |                         | Trắc nghiệm                               | Thực hành (hệ số 2) |                                             |                   |
| 192   | 065         | Nguyễn Thị      | Ái     | 11/9/1994  | Nữ        | Thái Thụy, Thái Bình   | CĐSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Trần Khánh Dư  | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 193   | 147         | Lê Thị Hồng     | Phấn   | 15/6/1992  | Nữ        | Châu Thành, Kiên Giang | CĐSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Trần Khánh Dư  | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 194   | 114         | Bùi Thị Bích    | Lệ     | 12/4/1988  | Nữ        | Tân Hiệp, Kiên Giang   | ĐHSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Trần Quốc Toàn | 80                | 50        | 53                      | 75                                        | 116                 | 244                                         | Không đạt         |
| 195   | 154         | Đặng Thị Cẩm    | Quyên  | 24/12/1994 | Nữ        | Rạch giá, Kiên Giang   | CĐSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Trần Quốc Toàn | 95                | 72        | 63                      | 80                                        | 120                 | 263                                         | Đạt               |
| 196   | 155         | Trương Thị Chức | Sinh   | 07/3/1994  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang    | CĐSP giáo dục tiểu học          | giáo viên          | Trường tiểu học Trần Quốc Toàn | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 197   | 198         | Cao Thảo        | Nguyên | 15/6/1995  | Nữ        | Rạch giá, Kiên Giang   | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường THCS Nguyễn Du          | 55                | 52        | 28                      | 60                                        | 84                  | 172                                         | Không đạt         |
| 198   | 200         | Nguyễn Thị Hoài | Thương | 31/01/1992 | Nữ        | Quỳnh Phú, Thái Bình   | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường THCS Nguyễn Du          | 60                | 50        | 51                      | 80                                        | 115                 | 246                                         | Không đạt         |
| 199   | 199         | Nguyễn Thị Minh | Thư    | 11/4/1987  | Nữ        | Bình Đại, Bến Tre      | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường THCS Nguyễn Du          | 80                | 52        | 64                      | 60                                        | 135                 | 259                                         | Đạt               |
| 200   | 194         | Nguyễn Thị      | Hiền   | 25/8/1995  | Nữ        | An Biên, Kiên Giang    | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ   | 90                | 52        | 64                      | 95                                        | 130                 | 289                                         | Đạt               |
| 201   | 196         | Đỗ Thị Diễm     | My     | 10/9/1993  | Nữ        | An Minh, Kiên Giang    | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường THCS Nguyễn Trường Tộ   | Vắng              | Vắng      | Vắng                    | Vắng                                      | Vắng                |                                             |                   |
| 202   | 201         | Trần Thị Mỹ     | Tuyên  | 6/3/1994   | Nữ        | Rạch giá, Kiên Giang   | TC Thư viện-Thiết bị trường học | Nhân viên thư viện | Trường THCS Lê Quý Đôn         | 55                | 50        | 45                      | 70                                        | 110                 | 225                                         | Không đạt         |



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phích